CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 143/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2023
V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lập Tiến và ông Lê Phúc Tiếng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Vũ – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Quỳnh G, sinh năm: 1995; Địa chỉ: T1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Thanh H, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Số 306 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Quỳnh G trình bày: Bà G và ông Nguyễn Hữu Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/01/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn đến khoảng tháng 11/2019 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất

đồng quan điểm sống, ông H có đánh bà dẫn đến vợ chồng bị rạn nứt tình cảm, từ đó vợ chồng không còn hòa hợp. Nay mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cả hai không còn tình cảm và đã sống ly thân nhau nay bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu Thanh H.

Về con chung: Bà G và ông H có 01 con chung cháu Nguyễn Hữu Thanh D, sinh ngày 11/7/2019. Bà G có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Nguyễn Hữu Thanh H để hòa giải theo quy định nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Quỳnh G là có căn cứ vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà Lê Thị Quỳnh G được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Thanh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Thanh D, sinh ngày 11/7/2019 cho bà Lê Thị Quỳnh G nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị Quỳnh G, Tòa án nhân dân thành phố B xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Lê Thị Quỳnh G có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hữu Thanh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị

đơn ông H đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt ông H.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của bà G, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông H tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/01/2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/2019 theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của bà G, ông H thì bà G cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, dẫn đến việc ông H đánh bà G. Do mâu thuẫn kéo dài cả hai vợ chồng không còn tình cảm nên đã sống ly thân, hiện nay không thể hàn gắn được. Nên bà G xét thấy không còn cơ hội đoàn tụ gia đình nên bà G xin được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Thanh H.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà G và ông H xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà G xin ly hôn ông H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà G và ông H có 01 con chung cháu Nguyễn Hữu Thanh D, sinh ngày 11/7/2019. Về con quá trình giải quyết vụ án ông H đều vắng mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung. Còn bà G có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D đến tuổi trưởng thành. Xét nguyện vọng của bà G và các điều kiện về việc nuôi dưỡng con chung nên xét thấy cần giao con chung cho bà G nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết

[4] Về án phí: Bà G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Quỳnh G. Bà Lê Thị Quỳnh G được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Thanh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Thanh D, sinh ngày 11/7/2019 cho bà Lê Thị Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Hữu Thanh H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Quỳnh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Quỳnh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Quỳnh G phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001745 ngày 12/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Hữu Thanh H không phải chịu tiền án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh